



VNU Journal of Foreign Studies

Journal homepage: <https://jfs.ulis.vnu.edu.vn/>



CHARACTERISTICS OF CYBERLANGUAGE AS A SOCIAL JARGON (BASED ON RUSSIAN AND VIETNAMESE SOCIAL NETWORK DATA)

Ngo Thi Quyen*

*Faculty of Russian Language and Culture, VNU University of Languages and International Studies,
No.2 Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Received 01 December 2023

Revised 06 July 2024; Accepted 26 September 2024

Abstract: Nowadays, cyberlanguage has become a new research direction in linguistics. Investigating the nature of this type of language helps us see the trending changes in language - the most important means of human communication. In the framework of this research, we point out the reasons why cyberlanguage is considered a type of jargon. The article uses the method of collecting data, analyzing and describing linguistics to clarify the characteristics of cyberlanguage, thereby to show the similarities and differences between Russian and Vietnamese cyberlanguages. The research is based on the theoretical framework of social dialects and jargon in sociolinguistics in order to clarify cyberlanguage as a type of jargon of cyber users - mainly young people who desire to separate themselves from the community and express the identity, personality, and psychology of their own group.

Keywords: cyberlanguage, jargon, social dialect, loan word, slang, social network

* Corresponding author.

Email address: ngothiquyen86@gmail.com

<https://doi.org/10.63023/2525-2445/jfs.ulis.5184>

ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÔN NGỮ MẠNG NHƯ MỘT BIỆT NGỮ XÃ HỘI (DỰA TRÊN NGỮ LIỆU MẠNG XÃ HỘI TIẾNG NGA VÀ TIẾNG VIỆT)

Ngô Thị Quyên

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội,
Số 2 Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 01 tháng 12 năm 2023

Chỉnh sửa ngày 06 tháng 7 năm 2024; Chấp nhận đăng ngày 26 tháng 9 năm 2024

Tóm tắt: Ngày nay, ngôn ngữ mạng đã trở thành một hướng nghiên cứu mới trong ngôn ngữ học. Việc tìm hiểu về bản chất của ngôn ngữ mạng giúp chúng ta thấy được những thay đổi mang tính xu hướng trong ngôn ngữ - phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người. Trong khuôn khổ bài nghiên cứu này, chúng tôi chỉ ra những lý do tại sao ngôn ngữ mạng được coi là một loại biệt ngữ. Bài báo sử dụng phương pháp thu thập ngữ liệu, phân tích và mô tả ngôn ngữ học nhằm làm rõ các đặc điểm của ngôn ngữ mạng, qua đó cho thấy sự tương đồng và khác biệt giữa ngôn ngữ mạng tiếng Nga và tiếng Việt. Thông qua ngữ liệu từ các mạng xã hội phổ biến tại Nga và Việt Nam, có thể nhận thấy rằng ngôn ngữ mạng hoạt động như một loại biệt ngữ của nhóm người dùng, chủ yếu là giới trẻ. Hiện tượng này thể hiện mong muốn tách biệt khỏi cộng đồng chung, đồng thời bộc lộ bản sắc, cá tính và tâm lý của nhóm.

Từ khóa: ngôn ngữ mạng, biệt ngữ, phương ngữ xã hội, từ vay mượn, từ lóng, mạng xã hội

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, sự phát triển của khoa học và công nghệ đã dẫn đến những thay đổi toàn diện trong xã hội, bao gồm cả ngôn ngữ. Với vai trò là phương tiện kết nối con người, ngôn ngữ chịu ảnh hưởng sâu sắc từ các tiến bộ khoa học và công nghệ, trong cả giao tiếp trực tiếp và giao tiếp trên không gian mạng. Ngôn ngữ được sử dụng trên các mạng xã hội đã và đang có những thay đổi và khác biệt so với ngôn ngữ chuẩn, và nhận được sự quan tâm rộng rãi của các nhà ngôn ngữ học trên khắp thế giới. Các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ mạng đang thu hút sự quan tâm nghiên cứu, bao gồm: bản chất của ngôn ngữ mạng là gì, sự khác biệt của ngôn ngữ mạng so với ngôn ngữ chuẩn của từng quốc gia; những khoảng cách xã hội mà ngôn ngữ mạng tạo ra, đặc biệt là khi người dùng chủ yếu là giới trẻ; ngôn ngữ mạng tác động như thế nào đến việc dạy và học ngoại ngữ... Những vấn đề đó đòi hỏi phải nghiên cứu thật kỹ lưỡng.

Bài báo này đã thống kê các văn bản ngôn ngữ mạng - là các bài đăng trên các mạng xã hội phổ biến hiện nay để chỉ ra được những đặc điểm nổi bật của ngôn ngữ mạng tiếng Nga và tiếng Việt như: hiện tượng sử dụng tiếng Anh như một xu thế, đặc biệt là các từ tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực công nghệ, hay các từ tiếng Anh phổ biến thuộc lĩnh vực đời sống; hiện tượng sử dụng các biểu tượng cảm xúc và hình ảnh động... Những đặc điểm đó của ngôn ngữ mạng cũng trùng khớp với đặc điểm của biệt ngữ, một tiểu loại của phương ngữ xã hội.

Bài báo dựa trên khung lý thuyết về phương ngữ xã hội và biệt ngữ của ngôn ngữ học

^o Nghiên cứu này được hoàn thành với sự hỗ trợ của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội trong đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, mã số N.23.05.

xã hội nhằm chỉ ra các biểu hiện của ngôn ngữ mạng như một loại biệt ngữ thuộc phương ngữ xã hội và so sánh được sự tương đồng cũng như khác biệt của các từ ngữ lóng thuộc ngôn ngữ mạng tiếng Nga và tiếng Việt ở các cấp độ từ vựng, cấu trúc và ngữ nghĩa.

2. Ngôn ngữ mạng mang đặc điểm của một loại biệt ngữ thuộc phương ngữ xã hội

Dù là một đề tài khá mới mẻ, nhưng ngôn ngữ mạng đã thu hút được sự quan tâm của rất nhiều nhà ngôn ngữ học trên thế giới và trong nước. Các nhà nghiên cứu đã đi sâu vào tìm hiểu và đưa ra những định nghĩa khác nhau về khái niệm ngôn ngữ mạng. Nguyễn Văn Khang cho rằng ngôn ngữ mạng là một biến thể xã hội của một ngôn ngữ cụ thể, ví dụ, ngôn ngữ mạng của tiếng Việt, ngôn ngữ mạng của tiếng Anh, ngôn ngữ mạng của tiếng Hán, ngôn ngữ mạng của tiếng Nga... (Nguyễn, 2019, tr. 18). Theo nhà nghiên cứu người Việt thì ngôn ngữ mạng được xem xét như một “*phương ngữ xã hội đặc thù*”, “*có chức năng biểu đạt đặc thù*”. “*Đặc điểm của người sử dụng (cư dân mạng), nơi sử dụng (không gian ảo), chức năng biểu đạt (tự do thể hiện CÁI TÔI cá nhân) đã làm nên tính đặc thù của ngôn ngữ mạng và trở thành một loại phương ngữ xã hội đặc thù*” (Nguyễn, 2015, tr. 292).

Voronseva và Patrusseva cho rằng ngôn ngữ mạng chính là một phương ngữ xã hội. Theo nhóm nghiên cứu, “*điều kiện tiên quyết để hình thành một phương ngữ xã hội như một mã giao tiếp đặc biệt chính là sự cô lập tương đối của cộng đồng Internet*” (2018, tr. 61). Sự cô lập tương đối này là đặc trưng của diễn đàn, một loại hình trực tuyến đầu tiên, và là kiểu mẫu cho các cộng đồng Internet sau này (như mạng xã hội, blog...)

Như vậy, chúng ta có thể hiểu ngôn ngữ mạng là một loại phương ngữ xã hội, hay nói cách khác, là một biến thể mang tính xã hội của một ngôn ngữ trong môi trường Internet, của một nhóm người dùng Internet với các độ tuổi, trình độ, nghề nghiệp, giai cấp khác nhau. Có thể nói, ngôn ngữ mạng tiếng Nga là biến thể xã hội của tiếng Nga, ngôn ngữ mạng tiếng Anh là biến thể xã hội của tiếng Anh, và ngôn ngữ mạng tiếng Việt cũng là một biến thể xã hội của tiếng Việt.

Bondaletov chia phương ngữ xã hội ra thành các tiểu loại (1987, tr. 69): (1) tiếng nghề nghiệp (chính xác hơn là các hệ thống từ vựng nghề nghiệp), ví dụ như: ngôn ngữ của ngư dân, thợ săn, thợ gốm; (2) các biệt ngữ nhóm, đoàn thể, ví dụ như: của học sinh, sinh viên, vận động viên... và chủ yếu là ngôn ngữ của giới trẻ; (3) ngôn ngữ bí mật của giới nghệ nhân, thương nhân và những nhóm xã hội gắn với họ; (4) tiếng tội phạm (argot). Còn Belikov và Krusin (2001) phân chia phương ngữ xã hội thành các tiểu loại như: tiếng tội phạm, tiếng lóng và biệt ngữ. Theo Nguyễn Văn Khang, những trường hợp có thể gọi là phương ngữ xã hội là: tiếng lóng, biệt ngữ, tiếng nghề nghiệp (1999, tr. 117). Có thể thấy, cho dù sự phân chia các tiểu loại của phương ngữ xã hội của các nhà ngôn ngữ học Nga và Việt Nam có thể không hoàn toàn trùng khớp nhau nhưng đa số đều coi biệt ngữ là một tiểu loại của phương ngữ xã hội.

Các đặc điểm cơ bản của biệt ngữ là: 1) biệt ngữ là nhóm từ vựng thuộc một nhóm xã hội nào đó, và biệt ngữ được dùng với mục đích cô lập ngôn ngữ, tách biệt khỏi phần còn lại của cộng đồng ngôn ngữ này (Akhmatova, 1969, tr. 148); 2) biệt ngữ là nhóm từ vựng thứ hai, tồn tại song song với nhóm chính, là tên gọi thêm, chồng lên tên gọi chính thức của các sự vật, hiện tượng (Do, 1996, tr. 256); 3) biệt ngữ được sử dụng chủ yếu bởi giới trẻ với những đặc điểm lứa tuổi như: cảm xúc thái quá, có lý tưởng riêng về giá trị sống, hành vi, phong cách (Bondaletov, 1987, tr. 72); và 4) các biệt ngữ sẽ được phân biệt bởi chức năng biểu cảm, giảm sút về mặt văn phong (Bondaletov, 1987, tr. 72). Qua các ngữ liệu khảo sát thu được, chúng tôi thấy được sự tương đồng của ngôn ngữ mạng và các đặc điểm nêu trên của biệt ngữ.

Như vậy, ngôn ngữ mạng là nhóm từ vựng của một nhóm xã hội, cụ thể là nhóm những

người dùng mạng nói chung. Đó có thể là ngôn ngữ của những chuyên gia máy tính, hoặc những người dùng máy tính, hay mạng Internet. Biệt ngữ máy tính được sử dụng với mục đích ban đầu là chỉ để nói đến thế giới công nghệ máy tính, do vậy, nó được ngăn cách với phần còn lại của thế giới đối với những người không biết về máy tính. Nhờ các kiến thức về ngôn ngữ máy tính như vậy mà các chuyên gia máy tính xếp mình vào một cộng đồng khép kín. Qua thời gian, cùng với sự phát triển của công nghệ, sự xâm nhập của công nghệ máy tính vào từng ngõ ngách của cuộc sống, những thuật ngữ máy tính đơn giản cũng dần trở nên quen thuộc không chỉ với các chuyên gia máy tính mà cả với những người dùng máy tính. Cuộc sống đã gắn liền với Internet và Internet đã trở thành một phần không thể thiếu của cuộc sống. Cộng đồng khép kín mà chúng ta vừa nói ngày một phát triển và mở rộng ra, để đến ngày nay, hầu như người dùng máy tính nào cũng hiểu được một số thuật ngữ cơ bản như: *mạng Internet, phần mềm, cài đặt chương trình, cửa sổ, chuột...*

Bên cạnh đó, theo các nghiên cứu, biệt ngữ được tạo ra bởi cộng đồng tâm lý xã hội của những người mang nó - thường là những người trẻ tuổi với những đặc điểm cảm xúc mạnh, có những giá trị sống và những lý tưởng riêng. Ngôn ngữ mạng có thể nói là ngôn ngữ của giới trẻ vì người dùng mạng chủ yếu là những người dùng trẻ tuổi. Một điều khó phủ nhận là số người dùng mạng là người trẻ tuổi chiếm ưu thế. Theo thống kê trên trang [statista.com](https://www.statista.com), tính đến năm 2021, một phần ba người dùng Internet trên toàn thế giới ở độ tuổi từ 25 đến 34. Khách truy cập trang web trong độ tuổi này tạo thành nhóm người dùng trực tuyến lớn nhất trên toàn thế giới. Ngoài ra, 18% người dùng trực tuyến toàn cầu ở độ tuổi từ 18 đến 24. Dân số toàn cầu từ 65 tuổi trở lên chiếm khoảng 5,5% tổng số người dùng Internet trên toàn thế giới. Ngôn ngữ mạng hoạt động như một phương tiện giao tiếp không chính thức giữa những người trẻ tuổi: nó giúp liên kết họ lại với nhau, giúp họ khẳng định bản thân, nó trở thành một kiểu phản đối chủ nghĩa hình thức, một cách chống lại thế hệ cũ. Theo Đỗ Thùy Trang (2018, tr. 104), bản sắc giới trẻ trong ngôn ngữ trên các phương tiện truyền thông được thể hiện ở các đặc điểm tiêu biểu như: tính thời thượng, nhanh nhạy, cập nhật; tính hài hước dí dỏm, thông minh; nhu cầu sáng tạo, cách tân, đổi mới. Những đặc tính này đều xuất phát từ bản chất tâm lý của tuổi trẻ là mong muốn được thể hiện sự khác biệt của mình với các nhóm tuổi khác.

Tính thời thượng, nhanh nhạy, cập nhật trong ngôn ngữ mạng của giới trẻ được thể hiện trước tiên qua việc sử dụng tiếng Anh. Đây là xu hướng nổi bật của ngôn ngữ mạng trên toàn thế giới. Trong cả ngôn ngữ mạng tiếng Nga và tiếng Việt, chủ đề công nghệ chiếm một phần rất lớn trong số các từ vay mượn từ tiếng Anh. Nhà ngôn ngữ học Nguyễn Thiện Giáp (2015, tr. 5) cũng đã từng khẳng định: “những từ tiếng Việt tiếp nhận của các ngôn ngữ Ấn Âu cũng chỉ tập trung vào một số lĩnh vực nhất định, thường là các thuật ngữ khoa học kỹ thuật”. Các thuật ngữ mạng máy tính chính là các từ nằm trong số các thuật ngữ khoa học kỹ thuật mà Nguyễn Thiện Giáp nhắc đến.

Ngoài ra, ngôn ngữ mạng còn thể hiện những đặc điểm tâm lý của giới trẻ thích sự khác biệt khi sử dụng biểu tượng cảm xúc như một cách bù đắp sự thiếu hụt về mặt tình cảm, cảm xúc cho người sử dụng khi mà ngôn ngữ mạng, tuy mang các đặc điểm của ngôn ngữ nói, rất gần gũi, thông tục, nhưng lại được thể hiện chủ yếu ở dạng văn bản, dẫn đến việc những người đối thoại trên mạng không thể thấy được cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, không thể nghe được ngữ điệu của người nói. Những biểu tượng cảm xúc này cũng làm nên sự độc đáo cho ngôn ngữ mạng, thể hiện được cá tính của lớp người trẻ khi dùng mạng.

Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng quan điểm xem ngôn ngữ mạng như một loại biệt ngữ, là một tiểu loại của phương ngữ xã hội để phân tích các đặc điểm của ngôn ngữ mạng. Quan điểm này dựa trên các đặc điểm tương đồng của ngôn ngữ mạng với biệt ngữ như: 1)

ngôn ngữ mạng là ngôn ngữ của nhóm người dùng mạng; 2) ngôn ngữ mạng thường là những tên gọi thứ hai của sự vật, hiện tượng, là lớp từ vựng song song với ngôn ngữ chuẩn mực; 3) người dùng ngôn ngữ mạng chủ yếu là những người trẻ sáng tạo, mong muốn được thể hiện sự khác biệt, nhanh nhạy, cập nhật các xu hướng mới; và 4) ngôn ngữ mạng có tính biểu cảm cao, và giảm sút về mặt phong cách.

3. Phương pháp và phạm vi nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích, mô tả ngôn ngữ học để phân tích, mô tả các đặc điểm của ngôn ngữ mạng như một phương ngữ xã hội và một biệt ngữ.

Ngữ liệu phục vụ nghiên cứu là 100 bài đăng trên các trang mạng xã hội như: Facebook, Ok, Vk, Twitter, trong đó có 50 bài tiếng Việt và 50 bài tiếng Nga. Chúng tôi chọn khảo sát ngữ liệu là các bài đăng trên các mạng xã hội như: Facebook, Youtube, Ok, Vk, Twitter vì đây là môi trường mà ngôn ngữ mạng được thể hiện rõ ràng nhất, và cũng là những mạng xã hội đang được dùng phổ biến ở Nga cũng như ở Việt Nam. Các ngữ liệu được khảo sát đều là những bài đăng trên mạng xã hội trong vòng 5 năm trở lại đây (từ 2019 đến nay) để đảm bảo tính cập nhật, tính mới của ngữ liệu.

Theo các tiêu chí ở trên, chúng tôi tiến hành phân tích ngữ liệu về từ vựng, cấu trúc và ngữ nghĩa.

4. Kết quả

4.1. Từ vựng

Ngôn ngữ mạng là phương ngữ xã hội của nhóm người dùng mạng. Đặc trưng ngôn ngữ của nhóm là biệt ngữ, một tiểu loại của phương ngữ xã hội. Dựa vào các đặc điểm cơ bản của biệt ngữ, chúng tôi tìm kiếm biệt ngữ mạng là những từ ngữ thể hiện phong cách, sự sáng tạo của nhóm người dùng mạng (chủ yếu là giới trẻ) thông qua một số hiện tượng, như: hiện tượng chêm xem tiếng Anh, hiện tượng sử dụng tiếng lóng, hiện tượng sử dụng các từ viết tắt, và biểu tượng cảm xúc.

Trong bảng 1, chúng tôi thống kê tỉ lệ các từ ngữ thuộc hiện tượng chêm xen tiếng Anh và từ ngữ lóng có nguồn gốc tiếng Nga trên mạng tiếng Nga với tổng số là 73 từ ngữ. Bảng 2 là các từ ngữ thuộc hiện tượng chêm xen tiếng Anh và các từ ngữ lóng có nguồn gốc tiếng Việt trên mạng tiếng Việt với tổng số 80 từ.

Bảng 1

Thống kê ngôn ngữ mạng tiếng Nga

Hình thức thể hiện	Số lượng từ	Tỷ lệ (%)	Ví dụ
Các từ, cụm từ hoặc câu có nguồn gốc tiếng Anh	51	69,9	<i>perfect mix, all by yourself, эдишн, код, скрин, абюз, интернет, скандал, эфир, стоп, пост, олд, электронник, велл, блокироваться, трендовый, комментировать, стартовать, сетературищик, btw, админ, коммент, смс</i>
Từ lóng/cụm từ lóng có nguồn gốc tiếng Nga	22	30,1	<i>бугага, голяк, капец, наезд, башка, орать, реветь, отпад, пахать, петух, дебил, эпатаж, молоток, переходный пешеход, пакуста, крыша, шляпа, колесо, хз, чп, норм, личка</i>
Tổng	73	100	

Bảng 2*Thống kê ngôn ngữ mạng tiếng Việt*

Hình thức thể hiện	Số lượng từ	Tỷ lệ (%)	Ví dụ
Các từ, cụm từ hoặc câu có nguồn gốc tiếng Anh	56	70	<i>mini, miss, hot, Soprano, match, Entertainer, comeback, trend healing, top, Top music trending, ship, gen, handmade, order, happy halloween, random, pass, concert, sọc xy, hút hót, si i ô, hót gơ, đệt ti ni, Ad, MV</i>
Từ/cụm từ lóng có nguồn gốc tiếng Việt	24	30	<i>gấu, hạt dẻ, bão, ngáo, rén, càn, xố, phượt, tuyên bố lòng lộn, thần thái bức người, chề tan nát, gạch đá, cười khùng, siêu to khổng lồ, rất nhiều, dễ thương xiu, hết nước chấm, cs, mn, t, b, tt, ae, hn</i>
Tổng	80	100	

Qua hai bảng thống kê (bảng 1 và bảng 2) có thể thấy các từ tiếng Anh trên mạng cả ở ngôn ngữ Nga và Việt đều chiếm tỉ lệ lớn trong số các đơn vị ngôn ngữ mạng được thống kê trong 100 bài khảo sát. Trên mạng tiếng Nga có tới 51 từ, cụm từ hoặc câu có nguồn gốc tiếng Anh, với tỉ lệ 69,9% của tổng số biệt ngữ mạng được liệt kê. Tương đương như vậy, trên mạng tiếng Việt có 56 từ, cụm từ hoặc câu có nguồn gốc tiếng Anh, chiếm tỉ lệ 70% trong tổng số biệt ngữ mạng được liệt kê. Tỉ lệ tiếng Anh sử dụng trên mạng xã hội tiếng Nga và tiếng Việt là tương đương nhau. Có thể thấy việc sử dụng tiếng Anh trên mạng là một hiện tượng mang tính xu thế. Điều này là dễ hiểu, bởi vì tiếng Anh đã trở thành ngôn ngữ toàn cầu.

Hiện tượng sử dụng các từ có nguồn gốc tiếng Anh trên mạng được thể hiện đa dạng, với nhiều phương thức khác nhau như: tiếng Anh giữ nguyên dạng gốc, tiếng Anh chuyển tự, tiếng Anh phỏng âm, tiếng Anh thay đổi hình thái, tiếng Anh viết tắt. Tuy nhiên, mỗi ngôn ngữ có phương thức vay mượn khác nhau (xem bảng 3 và bảng 4).

Bảng 3*Thống kê các đơn vị ngôn ngữ có nguồn gốc tiếng Anh trên mạng tiếng Nga*

Hình thức thể hiện	Số lượng từ	Tỉ lệ (%)	Ví dụ
Tiếng Anh nguyên dạng	9	17,6	<i>perfect mix, all by yourself, Telegram, hot girl, summer, top, Happy 75-th Birthday, be like, stay healthy</i>
Tiếng Anh phỏng âm	11	21,6	<i>эдишин, код, скрин, абюз, коллапс, паблик, челледж, лук, аддикт, твит, бодишейминг</i>
Tiếng Anh chuyển tự	14	27,4	<i>интернет, скандал, эфир, стоп, пост, олд, электронник, велл, блогер, компьютер, мессенджер, релакс, шок-контент, репост</i>
Tiếng Anh thay đổi hình thái	13	25,5	<i>блокироваться, трендовый, комментировать, стартовать, сетературицик, сетературный, забанить, скандальный, юзать, баннеризация, файновый, стартовать, лайкнуть</i>
Viết tắt tiếng Anh	4	7,9	<i>коммент, админ, btw, смс</i>
Tổng	51	100	

Bảng 4

Thống kê các đơn vị có nguồn gốc tiếng Anh trên mạng tiếng Việt

Hình thức thể hiện	Số lượng từ	Tỉ lệ (%)	Ví dụ
Tiếng Anh nguyên dạng	49	87,5	<i>mini, miss, hot, Soprano, match, Entertainer, comeback, trend healing, top, Top music trending, ship, gen, handmade, order, happy halloween, random, pass, concert, fan, note, tick, Pool, back, cash, check, full, impression, combo, flexing, flex, vedette, sold, size, full size, streamer, mainstream, user, var, live, web, game, net, clip, follow, view, tag, repost, link</i>
Tiếng Anh phỏng âm	5	8,9	<i>seç xy, hút hót, si i ô, hốt gơ, đệt ti ni</i>
Tiếng Anh chuyên tự	0	0	
Tiếng Anh thay đổi hình thái	0	0	
Viết tắt	2	3,6	<i>Ad, MV</i>
Tổng	56	100	

Có thể thấy, phương thức sử dụng tiếng Anh trên mạng tiếng Nga rất đa dạng, bao gồm 5 phương thức. Các phương thức này cũng phân chia tương đối đồng đều. Chiếm tỉ lệ cao nhất là các từ tiếng Anh chuyên tự với 27,4%, sau đó đến tiếng Anh thay đổi hình thái với 25,5%, tiếng Anh phỏng âm với 21,6%, tiếng Anh nguyên dạng 17,6%, và cuối cùng là tiếng Anh viết tắt có tỉ lệ thấp nhất (7,9%). Trong khi đó, trên mạng tiếng Việt, không tìm thấy hiện tượng tiếng Anh chuyên tự và tiếng Anh thay đổi hình thái. Chỉ có 3 phương thức sử dụng tiếng Anh trên mạng tiếng Việt, với các tỉ lệ chênh lệch lớn: tiếng Anh nguyên dạng có tỉ lệ 87%, tiếng Anh phỏng âm với 8,9% và tiếng Anh viết tắt 3,6%.

Để dàng nhận thấy, tỉ lệ các từ tiếng Anh nguyên dạng trên mạng tiếng Việt lớn hơn trên mạng tiếng Nga rất nhiều. Lý do của sự chênh lệch này, theo chúng tôi, là do sự khác nhau về chữ viết của hai ngôn ngữ Nga và Việt. Chữ viết tiếng Việt thuộc hệ thống chữ viết Latinh, giống tiếng Anh, nên sử dụng các từ tiếng Anh nguyên dạng là cách nhanh nhất và đơn giản nhất. Ngược lại, chữ viết tiếng Nga thuộc hệ thống chữ viết Kiril, khác với chữ viết tiếng Anh, nên nếu sử dụng các từ tiếng Anh nguyên dạng sẽ gây ra khó khăn trong việc đọc đối với người Nga. Để tháo gỡ khó khăn này, người Nga sử dụng phương thức chuyên tự, phỏng âm. Ví dụ:

- *Только олды вспомнят этот легендарный дом! А ты помнишь?*

- *Да, не отрицаю, цели важно и нужно ставить, но не всегда нужно ставить себе дедлайны относительно этих целей.*

Tuy nhiên, vay mượn ngôn ngữ là một quá trình tương đối phức tạp. Ngoài cách sử dụng các từ tiếng Anh nguyên dạng, chuyên tự hay phỏng âm, giới trẻ trên mạng tiếng Nga ngày nay còn biến đổi hình thái các từ tiếng Anh sao cho phù hợp với hệ thống hình thái của tiếng Nga. Một trong các phương thức biến đổi từ vay mượn thường gặp trong tiếng Nga là phương thức tiếp tố, đặc biệt là tiếp tố của động từ, tính từ và danh từ. Trong các bài đăng trên mạng xã hội bằng tiếng Nga mà chúng tôi khảo sát có 7 từ tiếng Anh khi xâm nhập vào tiếng Nga được cấu tạo thêm tiếp tố của động từ tiếng Nga như: - *ать* (*стартовать, юзать, комментировать, блокироваться*), - *уть* (*лайкнуть*), - *ить* (*забанить*). Ví dụ:

- *Ладно. Я досмотрела и поняла какую эмоцию юзать.*

- *Даже не знаю как это комментировать.*

Bên cạnh đó, cũng xuất hiện 2 danh từ vay mượn từ tiếng Anh được cấu tạo tiếp tố tiếng Nga, như: *сетературицик, баннеризация* và 3 tính từ: *файновый, трендовый, скандальный*. Ví dụ:

- *Потому что отпуск, вот тебе и файновый вейкап в будни.*

- *Помимо повсеместной заборизации в Самаре процветает и другой вид бюрократической деятельности – баннеризация.*

Ngược lại, trong các bài khảo sát bằng tiếng Việt, chúng tôi không gặp các trường hợp vay mượn từ tiếng Anh bằng cách biến đổi hình thái. Nguyên nhân là do tiếng Việt là ngôn ngữ đơn lập, không biến đổi hình thái như tiếng Nga. Các từ có nguồn gốc nước ngoài khi du nhập vào tiếng Việt, ngoài cách viết đúng theo hình thức tiếng Anh, thường được cấu tạo theo phương thức phỏng âm. Trong 50 bài khảo sát bằng tiếng Việt, chúng tôi thông kê được 5 từ tiếng Anh phỏng âm như: *sọc xy, hít hót, si i ô, hốt gơ, đệt ti ni*. Ví dụ:

- *Bán hết 2 sào rau muống với chục con lợn mới thuê được em này chụp ké tí. Nghề si i ô với hốt gơ tài chính 4.0 kể cũng nhọc nhọc nà 🤔🤔*

Ngoài ra, xu hướng sử dụng các chữ viết tắt cũng là xu hướng được giới trẻ dùng mạng tiếng Nga, tiếng Việt và cả các thứ tiếng khác yêu thích vì tính tiện lợi, nhanh và thể hiện được sự sáng tạo của giới trẻ. Theo Voronsova (2018, tr. 64), “*việc sử dụng các từ viết tắt như vậy, một mặt, cho phép bạn tối ưu hóa giao tiếp trong một cộng đồng nhất định và tiết kiệm thời gian và công sức, mặt khác, nó góp phần tạo nên sự gắn gũi của cộng đồng diễn đàn*”. Theo khảo sát của chúng tôi, trong 50 bài đăng trên các mạng xã hội bằng tiếng Nga, có tất cả 9 từ hoặc cụm từ viết tắt, trong đó, 4 từ viết tắt bằng cách cắt ngắn từ (*коммент - комментариуй, личка - личная переписка, норм - нормально, админ - администратор*), 5 từ viết tắt bằng cách viết các chữ cái đầu tiên (*чп - чрезвычайное происшествие, хз - хрен знает, btw - by the way, CMC - SMS - short message service*). Trong 50 bài khảo sát bằng tiếng Việt cũng có 9 từ viết tắt, trong đó chỉ có 1 từ viết tắt bằng cách cắt ngắn thân từ (*Ad – Administrator*), còn lại 8 từ là các từ viết tắt theo phương thức viết chữ cái đầu tiên của từ (*MV - Music video, cs - chia sẻ, mn - mọi người, t - tôi, b - bạn, tt - tương tác, ae - anh em, hn - hôm nay*). Có thể thấy trong các từ viết tắt mà chúng tôi thông kê, trong tiếng Nga, ngoài các từ viết tắt tiếng Anh nguyên dạng gốc, hay viết tắt từ các từ tiếng Nga, còn xuất hiện hiện tượng các từ viết tắt tiếng Anh chuyển tự sang tiếng Nga (*коммент, админ, CMC*). Việc chuyển tự các từ viết tắt này chỉ gặp trong tiếng Nga mà không thấy trong tiếng Việt do tiếng Việt và tiếng Anh có cùng hệ chữ viết La tinh, còn tiếng Nga có hệ chữ viết Kiril.

4.2. Cấu trúc

Bảng 5

Thông kê các đơn vị ngôn ngữ trên mạng tiếng Nga và tiếng Việt

	Đơn vị ngôn ngữ mạng tiếng Nga			Đơn vị ngôn ngữ mạng tiếng Việt		
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Ví dụ	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Ví dụ
Từ	62	85	<i>интернет, скандал, эфир, стоп, пост, олд, капец, наезд, башка, орать, реветь, отпад, пахать, петух, дебил, эпатаж, молоток...</i>	65	81,3	<i>mini, miss, hot, ship, gen, handmade, order, happy halloween, random, pass, concert, fan, sọc xy, đệt ti ni...</i>
Cụm từ	10	13,7	<i>бомж пакет, полный голяк, переходный</i>	14	17,5	<i>trend healing, Top Music Trending, full</i>

			<i>neuxexod, perfect mix, all by yourself, hot girl, btw...</i>			<i>size, MV, tuyên bố lòng lộn, thần thái bức người, chê tan nát, gạch đá...</i>
Câu	1	1,3	<i>happy 75-th Birthday</i>	1	1,2	<i>Happy Halloween</i>

Trong 50 bài khảo sát ngôn ngữ mạng tiếng Nga, có tổng số 73 đơn vị ngôn ngữ mạng (không tính các kí hiệu, hình động, biểu tượng cảm xúc), trong đó có 62 từ chiếm 85%, 10 cụm từ (*бомж пакет, полный голяк, переходный neuxexod, perfect mix, all by yourself, hot girl, stay healthy, btw, хз, СМС*) chiếm 13,7%, và 1 câu (*happy 75-th Birthday*) chiếm 1,3%.

Tương tự như vậy, trong 50 bài khảo sát ngôn ngữ mạng tiếng Việt, có tổng số 80 đơn vị ngôn ngữ mạng (không tính các kí hiệu, hình động, biểu tượng cảm xúc), trong đó có 65 từ, chiếm 81,3%; 14 cụm từ (*trend healing, Top Music Trending, full size, MV, tuyên bố lòng lộn, thần thái bức người, chê tan nát, gạch đá, cười khùng, siêu to khổng lồ, rất nhiều, dễ thương xỉu, hết nước chấm*) chiếm 17,5%, và chỉ có 1 câu (*Happy Halloween!*) chiếm 1,2%.

Như vậy, có thể thấy cả ở trong tiếng Nga và tiếng Việt, đơn vị ngôn ngữ mạng thường gặp là từ. Đơn vị câu ít gặp nhất, chỉ chiếm một tỉ lệ rất nhỏ. Tỉ lệ các đơn vị tương đương ở cả hai ngôn ngữ gần như là tương đương nhau.

4.3. Ngữ nghĩa

Xét về trường nghĩa, chủ đề gặp nhiều nhất trên mạng của cả hai ngôn ngữ Nga và Việt là chủ đề công nghệ thông tin. Điều đó cũng dễ hiểu bởi ngôn ngữ mạng được sử dụng trong môi trường mạng máy tính. Hiện tượng sử dụng thuật ngữ công nghệ xuất hiện đầu tiên trên mạng tiếng Anh (vì Hoa Kỳ là nước tiên phong trong lĩnh vực công nghệ máy tính), sau đó lan ra tất cả các thứ tiếng khác, trong đó có tiếng Nga và tiếng Việt. Trong số 50 bài khảo sát bằng tiếng Nga, chúng tôi tìm thấy tần suất các từ hoặc cụm từ thuộc chủ đề công nghệ là 18 lần, chiếm 27% các đơn vị ngôn ngữ mạng tiếng Nga, với các từ như: *Интернет, компьютер, код, пост, электронник, твиты, комментарий, блогер, комментатор, Telegram, мессенджер, аккаунт, комментировать...* Tỉ lệ các từ vựng thuộc chủ đề công nghệ trên mạng tiếng Việt cũng gần như tương đương trên mạng tiếng Nga, với 22 từ, chiếm 27,5%, với các từ như: *streamer, mainstream, user, var, live, web, game, net, clip, follow, view, tag, repost, link...*

Ngôn ngữ mạng thường là những từ gắn với tên gọi thứ hai của những hiện tượng, sự vật, hành động đã có những tên gọi từ trước đó. Điều này đặc biệt đúng với những từ vựng mạng được cấu tạo bằng con đường biến đổi ngữ nghĩa cho những từ đã có sẵn. Trong tổng số 50 bài đăng trên mạng bằng tiếng Nga đã khảo sát, chúng tôi thống kê được 3 từ (*крыша, шляпа, колесо*) là những từ có nguồn gốc tiếng Nga, nhưng được dùng trên mạng với nghĩa mới. Từ *колесо* có nghĩa gốc là *bánh xe*, nghĩa mới dùng trên mạng là *thuốc*. Từ *колесо* này là từ lóng của cộng đồng những người nghiện, để gọi những viên thuốc ma túy dạng viên tròn, giống hình dạng bánh xe, sau đó được sử dụng rộng rãi với nghĩa *thuốc* với sắc thái hài hước, dí dỏm.

- *Я закинусь колёсами и пойду спокойно спать. Не шумите там за окном сильно, ладно?* - *Tôi sẽ uống thuốc và đi ngủ. Đừng có làm ồn ngoài cửa sổ nhé, được chứ?*

Từ *крыша* có nghĩa gốc là *mái nhà*, nghĩa mới dùng trên mạng - *trí não*. Đây là từ lóng của giới trẻ hay dùng nhờ sự giống nhau về vị trí của *mái nhà* và *đầu* - bộ phận trên cơ thể con người, nơi gắn liền với *trí não*. Ví dụ:

- У меня быстрыми темпами едет крыша из-за учебы. - Tôi học nhiều quá mất cả não.

Trên mạng tiếng Việt cũng có rất nhiều các từ lóng mang những nghĩa lóng mới, được tạo ra từ những từ đã có sẵn trong tiếng Việt. Trong 50 bài đăng bằng tiếng Việt trên mạng xã hội, chúng tôi thống kê được 4 từ tiếng Việt mang nghĩa lóng mới như: *gấu*, *hạt dẻ*, *bão*, *ngáo*. Từ *bão* theo *Từ điển tiếng Việt* của Hoàng Phê có nghĩa là “hiện tượng gió xoáy trong phạm vi rộng trong một vùng có áp suất không khí giảm xuống rất thấp, thường phát sinh từ biên khơi, có sức phá hoại dữ dội do gió lớn, mưa to” (Hoang, 2003, tr. 40). Từ nghĩa gốc này, *bão* được dùng trên mạng, trong cụm từ *bão đơn* với ý nghĩa *số lượng nhiều, lớn, dồn dập*, ví dụ:

- Nay em mở hàng, hy vọng mẹ sẽ bão đơn.

Từ *gấu* có nghĩa gốc là “*thú ăn thịt cỡ lớn, đuôi cộc, đi bằng bàn chân, thường trèo cây ăn mật ong*” (Hoang, 2003, tr. 377), nhưng được dùng trên mạng với ý nghĩa *người yêu* do sự liên tưởng tới hình ảnh con gấu bông mềm mại, ấm áp dùng để ôm. *Người yêu* cũng để ôm áp và tạo cảm giác ấm áp như gấu bông. Ngoài ra, đặc điểm thích ăn mật của con gấu cũng gợi nhớ đến hình ảnh con người khi yêu, thích những gì ngọt ngào. Ví dụ:

- Đông đã về mà còn thiếu gấu 🐻. Ai nguyện làm gấu của em hèm nào.

Từ lóng *hạt dẻ* dựa trên hiện tượng đồng âm *dẻ/rẻ* ở phương ngữ Bắc Bộ, một kiểu chơi chữ của người Việt, từ đó, từ *hạt dẻ* có thêm một nghĩa mới dùng trên mạng là “*giá rẻ*”. Ví dụ:

- Nếu lạnh hãy ghé Huế em ăn đồ nướng nhé, giá hạt dẻ no căng cái bụng đấy mà.

Nguyễn Thiện Giáp cũng đã đề cập tới sự biến chuyển không ngừng của các sinh ngữ. “*Những từ mới, cách phát âm mới, những hình thức và cấu trúc cú pháp mới, các nghĩa mới của những từ đã có luôn nảy sinh*” (Nguyen, 2010, tr. 134). Tương tự như vậy, tiếng Nga và tiếng Việt là những sinh ngữ, và các ngôn ngữ này cũng biến chuyển không ngừng. Để phù hợp với một môi trường mới (Internet), với đối tượng người dùng (chủ yếu là những người trẻ tuổi, thích thể hiện cá tính, thể hiện cái tôi, hay những điều khác biệt so với những thế hệ trước), ngôn ngữ mạng cũng sẽ tự sản sinh ra những từ ngữ mới, những nghĩa mới của những từ đã có sẵn. Việc sử dụng những lớp nghĩa mới của các từ đã có sẵn này là tùy chọn của người dùng mạng, không hề bắt buộc. Thực tế là vẫn có rất nhiều người dùng mạng, hoặc là những người lớn tuổi, hoặc là những người thuộc thành phần trí thức, thậm chí là cả những người trẻ tuổi nhưng vẫn ít khi, hoặc không dùng các từ vựng mạng với nghĩa mới phái sinh, mà vẫn cố gắng giữ gìn ngôn ngữ chuẩn mực, dễ hiểu với mọi đối tượng trên không gian mạng.

4.4. Biểu tượng cảm xúc - phương tiện giao tiếp phi ngôn từ trên mạng

Hạn chế của giao tiếp mạng bằng văn bản là chúng ta không thể nhìn thấy được nét mặt, cử chỉ, điệu bộ, không thể nghe được các biểu cảm thông qua giọng nói của người tham gia giao tiếp. Để bù đắp cho sự thiếu hụt này, ngôn ngữ mạng có những cách thể hiện cảm xúc đặc biệt khác. Phương pháp thể hiện cảm xúc hiệu quả nhất trên mạng là việc sử dụng các biểu tượng cảm xúc và hình ảnh động, giúp người đối thoại thể hiện màu sắc biểu cảm và cảm xúc của câu nói. Theo thống kê của chúng tôi, trong 50 bài đăng bằng tiếng Nga trên mạng xã hội đã được khảo sát, có tới 62% (31 bài) sử dụng biểu tượng cảm xúc. Trong đó, có nhiều bài, tần suất của các biểu tượng cảm xúc dày đặc. Ví dụ, trong bài đăng sau đây, chỉ có 2 câu, nhưng có tới 14 biểu tượng cảm xúc.

- Задуманное перед сном отправляется прямо на небо. 😊😊😊😊 Спокойной ночи, мой Мир 🙏🙏🙏🙏❤️💙💛💙❤️

Tương tự, trong bài đăng sau, chỉ có một câu nhưng có tới 12 biểu tượng cảm xúc:

- Я люблю свою страну в России RU RU RU RU ❤️❤️❤️🌟🌟
#Russie #Moscow ❤️ RU ❤️

Trong 50 bài khảo sát tiếng Việt có đến 39 bài (78%) có sử dụng biểu tượng cảm xúc, trong đó, cũng có những bài có tần suất sử dụng loại biểu tượng này dày đặc. Ví dụ, có bài gồm 15 câu, nhưng có tới 15 biểu tượng cảm xúc như dưới đây:

- Giận trời sáng nắng chiều mưa

Giận người lâu vậy sao chưa bắt cáo nhà mình 🤔🤔

Ae lên tick ✅fo lâu em 🍷 sẽ được tặng gói combo tym+ like+ bắt cáo trọn đời nhé 🐱🐱🤔🤔

❤️Tặng xong nhớ trả lại em nhé vào phần bình luận e nuôi mấy bé ở đó 🐱🐱🍷🤔
Nhà không có gì ngoài 🐱 cá 🐟

Có thể thấy, biểu tượng cảm xúc thực sự đã trở thành đặc điểm nổi bật của ngôn ngữ mạng và nó ngày càng được sử dụng rộng rãi vì nó có thể diễn đạt những điều mà ngôn ngữ viết bình thường không thể diễn đạt.

5. Thảo luận

Qua tổng hợp, phân tích 100 bài đăng trên mạng xã hội, chúng ta đã thấy được các đặc điểm của một loại biệt ngữ, một tiểu loại của phương ngữ xã hội trong cả ngôn ngữ mạng tiếng Nga và tiếng Việt. Những đặc điểm đó thể hiện ở các hình thức và phương diện khác nhau.

Về mặt từ vựng, cả ngôn ngữ mạng tiếng Nga và tiếng Việt đều có xu hướng sử dụng tiếng Anh. Tuy nhiên, do đặc điểm loại hình khác nhau nên các từ tiếng Anh khi xâm nhập vào ngôn ngữ mạng tiếng Nga và tiếng Việt cũng có những sự khác biệt, như: các từ tiếng Anh trên mạng tiếng Việt thường chỉ ở hai dạng: thứ nhất là các từ tiếng Anh giữ nguyên dạng gốc, thứ hai là các từ tiếng Anh được phỏng âm theo cách của người Việt. Con đường của các từ tiếng Anh khi xâm nhập vào mạng xã hội tiếng Nga có phần phức tạp hơn, vì ngoài các từ tiếng Anh giữ nguyên dạng gốc, thì còn có thể chuyển tự sang hệ chữ Kiril của chữ viết tiếng Nga, hay diễn ra sự thay đổi về mặt hình thái như: cấu tạo thêm tiền tố, hậu tố. Ngoài ra, các từ viết tắt cũng là một đặc điểm dễ nhận biết của ngôn ngữ mạng cả ở tiếng Nga và tiếng Việt.

Về mặt cấu trúc, ngôn ngữ mạng của cả tiếng Nga và tiếng Việt thể hiện chủ yếu qua đơn vị từ. Các cụm từ và câu được thống kê qua các ví dụ khảo sát chiếm một tỉ lệ rất nhỏ.

Về mặt ngữ nghĩa, ngoài các từ mới thể hiện các hiện tượng, khái niệm mới xuất hiện trên mạng, một phần các hiện tượng, khái niệm được thể hiện thông qua một lớp từ vựng đã có từ trước, nhưng phát triển thêm những nghĩa bóng mới để phục vụ cho giao tiếp trên mạng. Hiện tượng nghĩa bóng mới này cũng thể hiện rất rõ đặc điểm của ngôn ngữ mạng như một loại biệt ngữ khi mà ngôn ngữ mạng thường là tên gọi thứ hai của sự vật, hiện tượng đã có từ trước đó.

Một đặc điểm nổi bật của ngôn ngữ mạng là xu hướng sử dụng các biểu tượng cảm xúc để bù đắp cho việc thiếu thụt các biểu hiện cảm xúc như: nét mặt, cử chỉ, điệu bộ, ngữ điệu... do ngôn ngữ mạng là loại ngôn ngữ chủ yếu được dùng ở dạng viết. Đây cũng chính là đặc điểm thể hiện chức năng biểu cảm cao của ngôn ngữ mạng như một loại biệt ngữ.

Ngôn ngữ mạng là một đề tài nghiên cứu cần thiết vì theo chúng tôi, đó là ngôn ngữ của tương lai khi kỷ nguyên 4.0 ngày càng phát triển bùng nổ. Việc nghiên cứu cận kề về ngôn ngữ mạng sẽ giúp cho chúng ta hiểu được sự biến chuyển của ngôn ngữ loài người nói chung, sự giống và khác nhau của các ngôn ngữ dưới sự tác động của mạng Internet. Tuy nhiên, do điều kiện của bài viết chưa cho phép nên chúng tôi chỉ dừng lại ở những nội dung đã đưa ra trên đây.

Trong các nghiên cứu trong tương lai, chúng tôi mong muốn được tìm hiểu ngôn ngữ mạng một cách sâu và rộng hơn, đưa ra những phân tích, so sánh giữa hai ngôn ngữ mạng tiếng Nga và tiếng Việt kỹ càng, thấu đáo hơn để thấy được các xu hướng phát triển chung, cũng như sự khác biệt của hai thứ tiếng này trên mạng, với mục đích tháo gỡ những khó khăn của người học tiếng Nga tại Việt Nam khi giao tiếp với người Nga trên mạng.

6. Kết luận

Ngôn ngữ mạng có các đặc điểm của một loại biệt ngữ, một tiểu loại của phương ngữ xã hội. Qua việc phân tích các ngữ liệu tìm được trên các bài đăng trên các mạng xã hội tiếng Nga và tiếng Việt, chúng tôi đã chỉ ra được những đặc điểm của ngôn ngữ mạng với tư cách một biệt ngữ như: đây là ngôn ngữ của một nhóm xã hội, cụ thể là nhóm những người dùng mạng Internet, hoạt động mạnh mẽ trên các trang mạng xã hội, các diễn đàn... với mục đích cô lập ngôn ngữ, tách biệt nhóm của mình với phần còn lại của cộng đồng. Điều đó thể hiện qua các nhóm từ vựng đặc trưng của ngôn ngữ mạng như: các thuật ngữ công nghệ, các từ lóng... Ngôn ngữ mạng là nhóm từ vựng thứ hai, tồn tại song song với nhóm chính, và việc sử dụng nhóm từ vựng này của người dùng mạng mang tính chất lựa chọn chứ không bắt buộc. Biệt ngữ mạng được sử dụng chủ yếu bởi giới trẻ, mang các đặc điểm của ngôn ngữ giới trẻ như: tính thời thượng, nhanh nhạy, cập nhật... Cuối cùng, các biệt ngữ mạng này có chức năng biểu cảm rõ nét.

Tài liệu tham khảo

- Akhmatova, O. C. (1969). *Slovar lingvisticheskikh terminov*. Sovetskaya Ensiklopedia. (*Dictionary of linguistic terms*. Soviet Encyclopedia.)
- Belikov, V. I. & Krusin, L. P. (2001). *Sosiolingvistika: Uchebnik dlia vuzov*. Ros. Gos. Gumanit. Universitet. (*Sociolinguistics: Textbook for Universities*. Moscow: Russian University for the Humanities.)
- Boldaletov, V.D. (1987). *Sosialnaya lingvistika: Uchebnoe posobie dlia studentov ped. in-tov po spes. 2101 "Rus. Yaz. i lit"*. Prosveshcheniye. (*Social linguistic: Textbook for student of pedagogical institutes in the specialty 2101 "Russian and literature"*. M: Prosveshcheniye.)
- Do, H. C. (1996). *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. (*Vietnamese vocabulary and semantics*. VNU Publishing House)
- Do, T. T. (2018). *Ngôn ngữ giới trẻ trên các phương tiện truyền thông* (Luận án TS ngữ văn). Trường Đại học Khoa học Huế. (*Youth language in the media* (PhD thesis in literature). Hue University of Sciences).
- Hoang, P. (2003). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng. (*Vietnamese Dictionary*. Da Nang Publishing House)
- Nguyen, T. G. (2010). *777 khái niệm Ngôn ngữ học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. (*777 Linguistic concepts*. VNU Publishing House.)
- Nguyen, T. G. (2015). Sự cần thiết phân biệt các khái niệm từ gốc, từ mượn, từ ngoại lai và từ ngoại trong nghiên cứu từ vựng tiếng Việt. *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu Nước ngoài*, 31(2), 1-7. (The Need to Distinguish the Various Concepts of Original Words, Borrowings, Words of Foreign Origin and Foreign Words in Vietnamese Vocabulary Studies. *VNU Journal of Foreign Studies* 31(2), 1-7)
- Nguyen, V. K. (2015). Một số vấn đề về ngôn ngữ mạng tiếng Việt. *Sociolinguistics*. Vietnam Education Publishing House *Kỷ yếu công trình khoa học 2015 – Phần II. Đại học Thăng Long*. 292-304. (Problems arising from Vietnamese cyber language. *Proceedings of scientific works 2015 – Part II*. Thang Long University)
- Nguyen, V. K. (2012). *Ngôn ngữ học xã hội*. NXB Giáo dục Việt Nam. (*Sociolinguistics*. Vietnam Education Publishing House)
- Nguyen, V. K. (2019). *Ngôn ngữ mạng. Biến thể ngôn ngữ trên mạng tiếng Việt*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. (*Internet language. Language variations on Vietnamese Internet*. VNU Publishing House)
- Peterson, M. N. (1927). Yazuk kak sosialnoe yavlenie. *Uchenue zapiski instituta yazuka i literaturu*. Vupusk 1, 3-21. (Language as a Social Phenomenon. *Scientific notes of the Institute of Language and Literature*. Vol.1, 3-21)

Verbiskaya, L. A. (2001). *Davaite govorit pravino Posobie po russkomu yazuku. Vusaya skola. (Let's speak correctly. A guide to the Russian language. Graduate school)*

Voronsova, T. A., & Patruseva, L.C. (2018). Formirovanie sosiolekta v Internet-kommunikasii. *Philologicheskii klass*, 3(53), 60-66. (Formation of sociolect and Internet communication. *Philological class*, 3(53), 60-66)